

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 09-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0650 3768 780

Fax: 0650 3766 149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC ME TRIBECO**

2. Thành phần: Nước, đường HFCS, đường, nước me cô đặc (4,0 g/l), nước táo cô đặc (3,0 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 296), chất làm dày (466), chất chống oxy hóa (316, 300), hương liệu me tổng hợp, phẩm màu tổng hợp (150d), chất tạo ngọt tổng hợp (955, 950), muối.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Đóng lon với thể tích thực ở 20 °C: 320 ml hay theo nhu cầu của thị trường.

+ Đóng chai với thể tích thực ở 20 °C: 350 ml hay theo nhu cầu của thị trường.

+ Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 7,68 L (24 lon x 320 ml); 8,4 L (24 chai x 350 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.

- Chất liệu bao bì:

+ Chai: Chai PET, nắp HDPE, nắp PE.



+ Lon: Lon nhôm, nắp nhôm.

Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Đối với lon nhôm:

B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

5.2. Đối với chai PET 350 ml:

CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT LAI PHÚ

Địa chỉ: 1936 Lê Quang Đạo, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã hóa địa chỉ nơi sản xuất: Xem bên cạnh ngày sản xuất.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS số: 09-NGK/TBCBD/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



DAI, ZHILIN

20234  
CÔNG  
TNH  
RIBE  
INH DU  
PHỐ H

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	NƯỚC ME TRIBECO	TCCS số: 09-NGK/TBCBD/2025
------------------------------------	-----------------	-------------------------------

### BẢN TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT

#### 1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch dạng lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

#### 2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	26 - 38	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	6,3 - 9,5	
3	Đường tổng số	g/100 ml	6,3 - 9,5	
4	Chất đạm	g/100 ml	≤ 0,5	
5	Chất béo	g/100 ml	≤ 0,5	
6	Natri	mg/100 ml	≤ 29	

#### 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliform	CFU/ml	10
3	<i>E. coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

#### 4. Chỉ tiêu kim loại nặng:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05

#### 5. Các chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Diphenylalanin	mg/l	0,5
2	Propargit	mg/l	0,2

#### 6. Chỉ tiêu độc tố vi nấm:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Patulin	$\mu\text{g}/\text{kg}$	50



## TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-159383

Revision: 06

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Report Issued: 16-Jun-2025

MNAQ Reference: 25-159383

Sample(s) Received: 10-Jun-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 10-Jun-2025 to 16-Jun-2025

### Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: NƯỚC ME TRIBECO

Lab ID: 25-159383-1

Sample Description/ Mô tả mẫu: Canned sample/ Mẫu đóng lon

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ Total aerobic plate count	<1	cfu/mL	AOAC 990.12
<i>Clostridium Perfringens</i>	<1	cfu/mL	ISO 15213-2:2023
Coliforms	<1	cfu/mL	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)
<i>E.coli</i>	<1	cfu/mL	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008)
<i>Streptococci faecal</i>	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-059:2024 (Ref. ISO 7899-2: 2000)
<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-060:2024 (Ref. ISO 16266: 2006)
<i>Staphylococcus aureus</i>	<1	cfu/mL	AOAC 975.55
Tổng số Nấm men & nấm mốc/ Total Yeasts and Moulds	<1	cfu/mL	ISO 21527-1:2008 (TCVN 8275-1:2010)
Chất béo/ Total Fat	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.1)	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Chất đạm/ Protein	0.34	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Carbohydrat/ Carbohydrate	7.93	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Năng lượng/ Energy	32	kcal/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

LOD/ GHPH: Limit of Detection/ Giới hạn phát hiện

LOQ/ GHDL: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện

\* Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ

\* ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025

Information provided by clients: company, address, samples names/

Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the MNAQ company/ Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty MNAQ.

If there are questions or concerns on this report, please contact:

Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:

Customer Services/ Bộ phận chăm sóc khách hàng:

Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.734.476

Email: cclab@mxnsaq.com

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Đường tổng số/ Total sugars	7.92	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-060: 2023 (Ref. TCVN 4594:1988)
Chì/ Lead (Pb)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/L	AOAC 2013.06
Patulin	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.01)	mg/L	FLAB-FA-MTHD-043:2024 (Ref. TCVN 9523:2012)
Diphenylamine	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/L	FLAB-FA-MTHD-014:2024 (Ref. AOAC 2007.01, EN 15662:2018)
Propargite	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/L	FLAB-FA-MTHD-014:2024 (Ref. AOAC 2007.01, EN 15662:2018)
Natri/ Sodium (Na)	19.0	mg/100 mL	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)

**Remark/ Ghi chú:** The results are expressed as less than 1 cfu/mL when no colonies growth on the petri dish containing the test sample/ Kết quả được thể hiện là dưới 1 cfu/mL khi không có khuẩn lạc phát triển trên đĩa petri chứa mẫu thử.

GENERAL DIRECTOR  
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIỆP



# CROWN VUNGTAU PRINT ROOM CONCORD 330ML KEYLINE

Pro Code: <b>CVT SL330</b>	Orange	Lt. Yellow	Green	Blue	Red	Black	White	<b>TRIBECO</b>	<b>TAMARIND DRINK</b>	Artwork: CVT SL330 8/0227-01 NOME-BASE Week: 202 Date: 26 Aug 2025
-------------------------------	--------	------------	-------	------	-----	-------	-------	----------------	-----------------------	---



## TRIBECO





## TRIBECO





Thể tích thực ở 20 °C:  
**320 ml**



Net content at 20 °C:  
**320 ml**

\*Hình ảnh quả me chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

**NƯỚC ME TRIBECO**

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	32 Kcal
Carbohydrat	7,9 g
Đường tổng số	7,9 g
Natri	≤ 29 mg

**Thành phần:** Nước, đường HFCS, đường, nước me cô đặc (4,0 g/l), nước táo cô đặc (3,0 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 296), chất làm dày (466), chất chống oxy hóa (316, 300), hương liệu me tổng hợp, phẩm màu tổng hợp (150D), chất tạo ngọt tổng hợp (955, 950), muối.

**Hương dẫn sử dụng:**  
Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.  
Dùng ngay sau khi mở nắp.  
Đổi khi màu sắc thay đổi, hiện tượng lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.  
**Thông tin cảnh báo:**  
Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.  
NSX & HSD: Xem dưới đây lon.

Số TCB: 09-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

**Sản phẩm của:**  
**CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**  
Số 8 đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Sản xuất tại:**  
**B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**  
Số 8 đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC**  
Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Tư vấn khách hàng:**  
Chamsoc@hachang@tribeco.com.vn  
Đường dây nóng:  
02743769884 - 02216283028



8 935001 000594  
Sản xuất tại Việt Nam.

140,5 mm

181 mm



Thủy Trâm  
Thảo Ngọc  
Thảo Thảo  
Lê Thị Thảo

Ty Anh

Le Dung 03.09.2025

梁江  
LIANG LI KUN  
2025.9.4





170.0 mm  
166.0

205.0 mm  
197.0

**NƯỚC ME TRIBECO**  
**TRIBECO TAMARIND DRINK**

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml

Năng lượng	32 kcal
Carbohydrat	7,9 g
Đường tổng số	7,9 g
Natri	≤ 29 mg

**Thành phần:**  
Nước, đường HFCS, đường, nước me cô đặc (4,0 g/l), nước táo cô đặc (3,0 g/l), chất điều chỉnh độ acid (E330, E296), chất làm dày (E466), chất chống oxy hóa (E316, E300), hương liệu me tổng hợp, phẩm màu tổng hợp (E1504), chất tạo ngọt tổng hợp (E955, E950), muối.  
**Hướng dẫn sử dụng:**  
Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Dùng ngay sau khi mở nắp.  
Đổi khi màu sắc thay đổi, hiện tượng lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.  
**Hướng dẫn bảo quản:**  
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.  
**Thông tin cảnh báo:**  
Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.  
NSX & HSD: Xem trên nắp chai hoặc thân chai.  
Số TCB: 09-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025



**Sản phẩm của:**  
CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG  
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Sản xuất tại:**  
CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT LAI PHÚ  
1936 Lê Quang Đạo, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Tư vấn khách hàng:**  
Chamsockhachhang@tribeco.com.vn  
**Đường dây nóng:**  
0274 3769 884 - 0221 6283 628



Sản xuất tại Việt Nam.  
\*Hình ảnh quả me chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

**NƯỚC ME**

Thể tích thực ở 20 °C:  
**350 ml**

**TAMARIND DRINK**

Net content at 20 °C:  
**350 ml**



\*Khổ màng : 97,5mm (±0,5mm) x chiều cao 170mm (trong suốt trên dưới 2mm)

 <b>Phú Ân</b> CÔNG TY TNHH PHÚ ÂN	<b>File Name: Nước Me-350ml</b> <small>Tên tập tin</small>		<b>CONFIRM</b> XÁC NHẬN		<b>SIGNATURE APPROVED</b> CHỮ KÝ XÁC NHẬN			
	<b>Artwork No.:</b> ----- <small>Mô Artwork</small>	<b>Date:</b> 18/12/2025 <small>Ngày làm</small>	<b>Material: PVC</b> <small>Chất liệu</small>		<input type="checkbox"/> LAYOUT <small>BỐ CỤC</small>	<input type="checkbox"/> PICTURE <small>HÌNH ẢNH</small>	 22.12 22.12	
<b>Pack Size:</b> 205 mm x 170 mm <small>Quy cách</small>	<b>Color:</b> <small>Số Màu</small> 9 K Zlogo Zdo P 7731 C Zcam C M Y W TRANS TRONG SUỐT			<input type="checkbox"/> CONTENTS <small>NỘI DUNG</small>	<input type="checkbox"/> BARCODE <small>MÃ VẠCH</small>			
<b>Designer:</b> VY <small>Nhân Viên Thiết kế</small>	<b>File code PA:</b> <small>mã tin Phú Ân</small> Cylinder: DYBD- DYT004973-S01.pdf				<input type="checkbox"/> COLORS <small>MAU SẮC</small>	<input type="checkbox"/> EYEMARK <small>MÃI TRẦN</small>		
<small>Note: Please carefully check the content, layout, colors, fonts, barcode v.v ... - the entire file. Once you have confirmed all errors or changes, you will be responsible for them all./ Lưu ý: Quý Khách vui lòng kiểm tra cẩn thận nội dung, bố cục, màu sắc, phông chữ, mã vạch v.v ... - toàn bộ thiết kế. Khi quý khách đã xác nhận tất cả, phải sinh các lỗi hoặc thay đổi, Quý Khách sẽ phải chịu trách nhiệm.</small>							<input type="checkbox"/> PACK SIZE <small>KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM</small>	